TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 221/2026/HNGĐ-ST Ngày 04 - 9 - 2026 V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Xuân.

2. Bà Dương Thị Quyên.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Phan Thị Liếng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Hậu – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 17 tháng 8 và 04 tháng 9 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 365/2026/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 424/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa số: 433/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Dương Thị Mộng T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Nguyễn Trung H, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn xin vắng mặt; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Dương Thị Mộng T trình bày:

Vào năm 2012 chị T và anh H cưới nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T năm 2012. Vợ chồng sống chung hạnh phúc thời gian đầu, đến tháng 01/2019 vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và đã không còn sống chung với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể nào hàn gắn lại được nữa cho nên chị T yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị Dương Thị Mộng T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Trung H.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn N, sinh ngày 12/01/2012 và Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 15/01/2016, chị T thống nhất giao anh H nuôi dưỡng 02 con chung, chị T không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Trung H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật, riêng bị đơn anh Nguyễn Trung H đã được Tòa án tống đạt các văn bản đúng quy định nhưng không tham gia tố tụng, nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Dương Thị Mộng T và anh Nguyễn Trung H ly hôn; giao con chung Nguyễn Tuấn N, sinh ngày 12/01/2012 và Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 15/01/2016 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Không có tranh chấp về tài sản và nợ nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã T nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn chị Dương Thị Mộng T vắng mặt có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Trung H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần

thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 238Bộ luật tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh H.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Chị Dương Thị Mộng T và anh Nguyễn Trung H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp năm 2012. Do đó, hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật nhân và gia đình.

[4] Chị T yêu cầu ly hôn với anh H. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tại 02 lần phiên tòa sơ thẩm anh H cũng không có mặt. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn là anh H đã biết việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn (niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định), nhưng bị đơn không có ý kiến, không phản đối yêu cầu của nguyên đơn và không đến theo giấy triệu tập và văn bản của Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Việc khởi kiện yêu cầu ly hôn chị T trình bày vợ chồng đã bất đồng quan điểm và đã không còn sống chung từ năm 2019, nay chị T thấy mục đích của hôn nhân không đạt được nên kiên quyết ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T kiên quyết ly hôn, anh H không có ý kiến gì về yêu cầu của chị T. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chị Dương Thị Mộng T theo quy định tại Điều 51, 56 Luật nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Vợ chồng chị T và anh H có 02 con chung tên Nguyễn Tuấn N, sinh ngày 12/01/2012 và Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 15/01/2016 hiện đang sống chung với anh H. Chị T thống nhất giao 02 con chung cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy: 02 cháu Nguyễn Tuấn N và Nguyễn Ngọc Bảo T1 hiện đang sống chung với anh H nên giao cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con: anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con và chị T cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tụng dân sự và áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, chị Dương Thị Mộng T là người khởi kiện phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000 đồng. Anh Nguyễn Trung H không phải chịu án phí.

[8] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 Bộ luật tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Mộng T và anh Nguyễn Trung H được ly hôn.

2. Về con chung: Tiếp tục giao 02 con chung tên Nguyễn Tuấn N, sinh ngày 12/01/2012 và Nguyễn Ngọc Bảo T1, sinh ngày 15/01/2016 cho anh Nguyễn Trung H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Dương Thị Mộng T không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Nguyễn Trung H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị Dương Thị Mộng T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp chị Dương Thị Mộng T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Nguyễn Trung H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Dương Thị Mộng T.

Trường hợp vì lợi ích hợp pháp của con chung, khi có yêu cầu của một bên hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị Mộng T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 0010835 ngày 24-6-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Chị Dương Thị Mộng T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Trung H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

5. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thùy Dung